

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9 - 10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 22 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Cấn Thị Bích	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Trương Thị Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Ngày 26 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là: Ông Nguyễn Trọng Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Bà Võ Thị Hồng Thắm – Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Võ Thị Hồng Thắm

Ngày 30 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.540.951.837.065	1.249.231.416.665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.961.125.171	42.410.100.689
1. Tiền	111		12.961.125.171	16.333.100.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.077.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.237.490.978.414	960.802.609.232
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	80.725.000.000	80.725.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.019.029.167)	(5.038.279.167)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2b	1.161.785.007.581	885.115.888.399
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.483.580.932	78.123.553.256
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.084.593.604	94.228.638.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	25.355.913.900	16.218.078.780
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	9.406.938.730	9.040.701.420
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(41.363.865.302)	(41.363.865.302)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		129.950.871.916	104.951.770.939
1. Hàng tồn kho	141	V.7	133.085.164.575	108.086.063.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	(3.134.292.659)	(3.134.292.659)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		68.065.280.632	62.943.382.549
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	2.516.268.360	1.526.022.683
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		65.474.167.951	61.369.900.890
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	74.844.321	47.458.976
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.408.997.331.983	2.305.309.591.643
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	-	5.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		601.425.494.069	586.790.235.968
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	539.317.243.846	523.851.788.239
- Nguyên giá	222		859.279.098.495	826.323.048.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(319.961.854.649)	(302.471.260.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	62.108.250.223	62.938.447.729
- Nguyên giá	228		80.102.588.193	80.102.588.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.994.337.970)	(17.164.140.464)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	71.280.104.730	71.280.104.730
- Nguyên giá	241		77.467.647.516	77.467.647.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		25.701.238.606	47.852.602.592
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	V.12	4.559.156.830	3.511.717.401
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.13	21.142.081.776	44.340.885.191
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1.363.688.052.166	1.217.221.005.020
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2c	1.026.477.348.126	880.010.300.980
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2d	337.210.704.040	337.210.704.040
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		346.902.442.412	382.160.643.333
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	36.163.557.753	40.301.101.063
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		243.742.998	314.886.443
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.14	310.495.141.661	341.544.655.827
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		3.949.949.169.048	3.554.541.008.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: ID Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.467.717.972.587	1.054.237.311.004
I. Nợ ngắn hạn	310		1.157.997.992.649	749.001.745.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	60.421.409.605	54.967.604.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	3.643.738.707	2.964.170.301
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	4.335.329.489	18.696.542.849
5. Phải trả người lao động	315		12.626.321.796	20.665.601.847
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	16.140.106.122	5.312.344.784
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	5.000.000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19a	13.327.770.904	12.740.015.262
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a	1.042.089.130.922	628.994.780.793
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	5.414.185.104	4.655.685.104
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		309.719.979.938	305.235.565.662
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19b	8.905.174.601	8.925.174.601
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b	292.772.202.101	289.310.710.418
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		8.042.603.236	6.999.680.643
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.482.231.196.461	2.500.303.697.304
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a,b	1.968.589.250.000	1.968.589.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.968.589.250.000	1.968.589.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		36.788.832.977	36.788.832.977
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.652.609.693	7.652.609.693
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		127.728.500	127.728.500
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(40.666.927.398)	(19.694.019.547)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(24.827.564.807)	700.166.376
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(15.839.362.591)	(20.394.185.923)
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		509.739.702.689	506.839.295.681
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.949.949.169.048	3.554.541.008.308

Lê Thị Thương
Người lập biểu

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Võ Thị Hồng Thắm

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	198.301.193.465	206.245.129.160	355.161.503.214	389.948.158.647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.008.644.250	221.000.000	1.193.829.435	359.888.889
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		197.292.549.215	206.024.129.160	353.967.673.779	389.588.269.758
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	142.785.111.901	151.729.229.116	264.188.363.885	290.536.553.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.507.437.314	54.294.900.044	89.779.309.894	99.051.716.186
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	17.598.675.394	14.618.838.991	34.410.592.638	29.570.915.358
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	22.577.864.175	3.471.899.508	42.291.341.585	6.408.051.988
Trong đó: chi phí đi vay	24		26.484.550.893	2.161.383.164	41.718.444.555	4.127.710.083
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	23.369.931.620	18.248.151.422	34.706.560.848	32.108.284.201
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	29.704.424.955	28.589.149.528	57.858.550.233	56.760.552.308
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		(1.741.887.158)	(1.039.347.163)	(3.532.952.854)	(3.350.155.332)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.287.995.200)	17.565.191.414	(14.199.502.988)	29.995.587.715
13. Thu nhập khác	31	VI.8	(143.452.041)	10.343.735	787.747.155	1.113.207.313
14. Chi phí khác	32		(1.598.248)	29.381.422	338.369.151	86.136.375
15. Lợi nhuận khác	40		(141.853.793)	(19.037.687)	449.378.004	1.027.070.938
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.429.848.993)	17.546.153.727	(13.750.124.984)	31.022.658.653
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.174.372.397	5.680.517.302	2.568.309.821	10.814.592.451
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		924.704.368	(457.549.947)	1.114.066.038	(518.527.159)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.528.925.758)	12.323.186.372	(17.432.500.843)	20.726.593.361
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(4.504.006.647)	1.125.693.039	(15.839.362.591)	(193.442.677)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.024.919.111)	11.197.493.333	(1.593.138.252)	20.920.036.038
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(23)		(80)	(1)

Lê Thị Thương

Báo cáo này phải được lập theo đúng nội dung và bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

8

11/06/2026



Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Võ Thị Hồng Thắm

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(13.750.124.984)	31.022.658.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		56.257.014.953	42.714.692.410
- Các khoản dự phòng	03		(19.250.000)	775.489.096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		60.803.888	137.308.071
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(28.974.902.869)	(24.320.661.281)
- Chi phí đi vay	06		41.718.444.555	5.905.295.013
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.291.985.543	56.234.781.962
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.881.092.479)	33.365.453.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.046.540.406)	(54.011.932.908)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		29.268.686.788	(43.160.296.101)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		3.147.297.633	(3.488.573.784)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(34.560.035.709)	(5.838.330.388)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.247.712.860)	(17.514.915.683)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(181.500.000)	(224.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.208.911.490)	(34.638.132.990)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40.928.981.321)	(124.215.715.284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		172.000.000	601.481.482
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(726.083.333.333)	(93.199.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		463.151.149.973	57.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(150.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.598.919.901	3.991.604.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(435.090.244.780)	(155.821.629.469)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

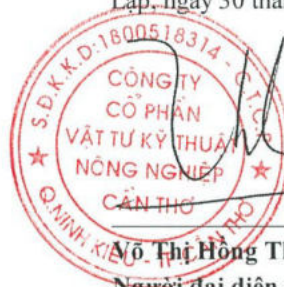
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		300.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.080.837.036.838	528.302.865.053
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(664.281.195.026)	(356.424.682.598)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		416.855.841.812	171.878.182.455
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(29.443.314.458)	(18.581.580.004)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.410.100.689	30.594.992.198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.661.060)	(825.079)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.961.125.171	12.012.587.115

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Lê Thị Thương
Người lập biểu

Lê Thị Thương
Kế toán trưởng



Võ Thị Hồng Thắm
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, đầu tư.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh bất động sản.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Nhóm Công ty**
Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. *Danh sách các Công ty con được hợp nhất*
Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (“WFC”) ⁽ⁱ⁾	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	Chế biến, nhập xuất khẩu nông sản	45,11%	45,11%	45,11%	45,11%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (“TSS”)	1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	57,63%	57,63%	57,63%	57,63%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (“FC”) ⁽ⁱⁱ⁾	1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hàng tiêu dùng	83,22%	83,22%	87,84%	87,84%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	Tầng 1, tòa nhà HSC, số 162b Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	96,28%	77,67%	96,28%	77,67%

- (i) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong WFC ít hơn 50% nhưng Công ty vẫn có 3/5 thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty này và có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Do vậy WFC bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào WFC được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.
- (ii) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tại FC bao gồm tỷ lệ do Công ty nắm giữ trực tiếp và tỷ lệ nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hạt giống TSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang ⁽ⁱ⁾	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ	Chế biến nông sản	44,88%	44,88%	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	Thôn Cây Sung, xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đồ uống không cồn và kinh doanh dịch vụ	79,51%	79,51%	95,53%	95,53%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Orifood ⁽ⁱ⁾	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	Chế biến và bảo quản rau quả	42,85%	-	95,00%	-

⁽ⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây

⁽ⁱⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer

5b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Tầng 2, số 81 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối hàng tiêu dùng	40,78%	40,78%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long	Khu công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	Đầu tư tài chính	19,92%	18,06%	21,9%	20,05%

5c. Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây; Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước, với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC; Công ty Cổ phần FIT Consumer; Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Trong năm chỉ có hoạt động đầu tư tài chính, với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động và có doanh thu, với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Orifood	Công ty mới thành lập tháng 02/2026, hoạt động chính là chế biến và bảo quản rau quả, với kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước, với kết quả hoạt động kinh doanh tiếp tục bị lỗ
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long	Công ty mới thành lập tháng 11/2025, hoạt động chính là quản lý khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp tác đầu tư, với kết quả hoạt động kinh doanh có lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Nhóm công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có 759 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 787 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Nhóm Công ty không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Đối với chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): Giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kết toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kết toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh sẽ được xử lý như thay đổi chính sách kế toán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Nhóm Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Nhóm Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Nhóm Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Nhóm Công ty như sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước

- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh với thời gian 20 năm được chia thành 10 lần nộp kể từ ngày cấp phép, chi phí trả trước mỗi lần nộp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng tương ứng thời gian khai thác.
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda

Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 17
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 12
Tài sản cố định khác	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Nhóm Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ tổn thất suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được trình bày theo số thuần tại chỉ tiêu "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Việc chuyển từ hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đang trong giai đoạn xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi hoàn thành giai đoạn xây dựng và bàn giao, đưa vào hoạt động cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản đó. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp để bán. Trường hợp bán bất động sản đầu tư mà không có giai đoạn sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thì tài sản vẫn được ghi nhận là bất động sản đầu tư cho đến khi được bán, không chuyển thành hàng tồn kho.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá ghi sổ của tài sản chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá trong việc xác định giá trị hay lập Báo cáo tài chính.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Nhóm Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Nhóm Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Nhóm Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty liên doanh, công ty liên kết và các công ty con khác có cùng công ty mẹ.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Theo bản chất mối quan hệ kinh tế và tham chiếu thực tiễn quốc tế, Nhóm Công ty cũng coi các bên đối tác cùng đồng kiểm soát BCC với Nhóm Công ty là các bên liên quan.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn/Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	211.265.292	680.620.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.749.859.879	15.652.480.400
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.279.494.758	638.627.417
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.410.157.698	11.029.630.393
- Các ngân hàng, tổ chức khác	2.060.207.423	3.984.222.590
Các khoản tương đương tiền	-	26.077.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	26.077.000.000
Cộng	12.961.125.171	42.410.100.689

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(5.019.029.167)	6.125.000.000	(5.038.279.167)
Cổ phiếu chưa niêm yết	74.600.000.000	-	74.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	36.600.000.000	-	36.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Cộng	80.725.000.000	(5.019.029.167)	80.725.000.000	(5.038.279.167)

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết sàn UPCOM tại ngày 30/06/2026 là 1.105.970.833 VND (số đầu năm: 1.086.720.833 VND), được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố.

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Dự phòng chứng khoán kinh doanh*

Các Công ty phát hành cổ phiếu chưa niêm yết không lập và công bố Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, việc xem xét dự phòng được dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 của các Công ty này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.038.279.167	5.020.458.333
Hoàn nhập dự phòng	(19.250.000)	(129.791.666)
Số cuối kỳ	5.019.029.167	4.890.666.667

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	630.514.766.323	321.312.578.302
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	50.100.000.000	50.100.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Mỹ Đình	250.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	60.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	140.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	102.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	12.335.764.000	14.292.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	16.079.002.323	6.920.578.302
Cho vay – Hợp tác đầu tư hưởng lợi nhuận cố định	531.265.155.231	563.803.310.097
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	70.974.000.000	70.974.000.000
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	45.418.333.333	41.835.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	132.500.000.000	360.000.000.000
Công ty Cổ phần Tây Đô Cửu Long	4.200.000.000	17.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	250.000.000.000	-
Lãi dự thu từ cho vay	61.121.142	833.863.013
Lãi dự thu bên liên quan Công ty CP Today Cosmetics	36.463.608	-
Lãi dự thu từ cho vay khác	24.657.535	833.863.013
Lợi nhuận dự thu từ hợp tác đầu tư hưởng lợi nhuận cố định	27.761.700.756	22.410.447.084
Công ty Cổ Phần FIT Cosmetics	1.179.945.205	1.179.945.205
Công ty CP Today Cosmetics	6.737.057.393	6.737.057.393
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	12.744.337.607	14.457.618.733
Công Ty Cổ Phần Tây Đô Cửu Long	118.487.672	35.825.753
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại VKD	6.986.958.905	-
Cộng	1.161.785.007.581	885.115.888.399

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long	Cộng
Số cuối năm			
Giá gốc	383.137.080.000	745.000.000.000	1.128.137.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(101.315.714.073)	(344.017.801)	(101.659.731.874)
Cộng	281.821.365.927	744.655.982.199	1.026.477.348.126
Số đầu năm			
Giá gốc	383.137.080.000	595.000.000.000	978.137.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(98.126.779.020)	-	(98.126.779.020)
Cộng	285.010.300.980	595.000.000.000	880.010.300.980

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	880.010.300.980	290.401.798.492
Góp vốn trong kỳ	150.000.000.000	-
Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	(3.532.952.854)	(3.350.155.332)
Số cuối kỳ	1.026.477.348.126	287.051.643.160

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (FCO)	-	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	68.533.426	140.547.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	148.836.166	-

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	69.532.211.250	-	69.532.211.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt ⁽ⁱ⁾	67.260.031.250	-	67.260.031.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	2.272.180.000	-	2.272.180.000	-
Đầu tư khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	190.800.000.000	-	190.800.000.000	-
Công Ty CP Đầu Tư Thương Mại Hoa Sen Việt Nam	99.000.000.000	-	99.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư và thương mại Phổ Hiến Việt Nam	19.800.000.000	-	19.800.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư và Thương Mại Trống Đồng	72.000.000.000	-	72.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Ủy thác đầu tư^(iv)</i>	76.878.492.790	-	76.878.492.790	-
Lê Hồng Phụng	72.573.538.890	-	72.573.538.890	-
Nguyễn Thiện Ân	4.304.953.900	-	4.304.953.900	-
Cộng	337.210.704.040	-	337.210.704.040	-

- (i) Nhóm Công ty sở hữu 3.065.000 cổ phiếu, tương đương 10,22% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (không thay đổi so với số đầu năm).
- (ii) Nhóm Công ty sở hữu 220.600 cổ phiếu, tương đương 4,42% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt không lập và công bố Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, việc xem xét dự phòng được dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty này.

Nhóm Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam để xem xét trích lập dự phòng (nếu có).

- (iii) Hợp tác đầu tư với các tổ chức khác không có thời hạn nhằm mục đích đầu tư bất động sản. Lợi nhuận từ việc đầu tư này được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty trong các hợp đồng từ 94,52% đến 95%. Hồ sơ liên quan đến các bất động sản hợp tác đầu tư như Hợp đồng chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... do Nhóm Công ty nắm giữ.
- (iv) Các khoản ủy thác tại Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (Công ty con), bao gồm:

- Ủy thác cho bà Phụng theo Hợp đồng ủy thác ngày 20/7/2022 để Bên nhận ủy thác thay mặt Công ty thực hiện giao dịch, quản lý và phối hợp chuyển nhượng/chuyển giao cổ phiếu ủy thác (là 665.938 cổ phiếu CTCP Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang) và các khoản lợi nhuận từ cổ phiếu này theo yêu cầu của Công ty. Công ty có toàn quyền sở hữu đối với cổ phiếu ủy thác và toàn bộ lợi nhuận thực tế phát sinh từ cổ phiếu ủy thác, được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phiếu ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hợp đồng này không có phí ủy thác.

- Ủy thác cho Ông Nguyễn Thiện Ân theo các hợp đồng ủy thác ngày 16/9/2020 và 06/12/2019 để Bên nhận ủy thác thực hiện nhận chuyển nhượng và đứng tên người sử dụng đất trên GCN quyền sử dụng đất 04 lô đất tại phường An Bình, thành phố Cần Thơ. Bên nhận ủy thác có nghĩa vụ thực hiện quản lý tài sản ủy thác theo yêu cầu của Công ty. Công ty được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ tài sản ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Lợi tức ủy thác sẽ theo thỏa thuận vào ngày kết thúc hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	185.326.886	-	114.240.320	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	-	-	24.500.000	
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Và Thương Mại F.I.T Việt Nam	185.326.886	-	89.740.320	
Phải thu các khách hàng khác	98.899.266.718 (30.575.868.220)		94.114.398.038 (30.575.868.220)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	14.277.668.953	-	-	
Các khách hàng khác	84.621.597.765 (30.575.868.220)		94.114.398.038 (30.575.868.220)	
Cộng	99.084.593.604 (30.575.868.220)		94.228.638.358 (30.575.868.220)	

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
Công ty Cổ phần Tự động hóa Nam Tiến Phát	4.118.412.090	3.244.266.746
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Đồng Nguyên	3.013.200.000	-
Công ty TNHH Vinmachine	2.946.692.212	-
Các nhà cung cấp khác	12.637.584.578	10.333.787.014
Cộng	25.355.913.900	16.218.078.780

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	696.750.435	-	432.856.151	-
Ký quỹ	2.200.714.436		2.101.246.350	
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000 (3.500.000.000)		3.500.000.000 (3.500.000.000)	
Thu chi hộ	598.871.640	-	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang	196.776.000	-	196.776.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.213.826.219 (897.915.973)		2.809.822.919 (897.915.973)	
Cộng	9.406.938.730 (4.397.915.973)		9.040.701.420 (4.397.915.973)	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	30.577.867.362 (30.575.868.220)		30.577.867.362 (30.575.868.220)	
Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.520.000.000 (3.520.000.000)		3.520.000.000 (3.520.000.000)	
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959 (3.508.884.959)		3.508.884.959 (3.508.884.959)	
Các khách hàng khác	23.548.982.403 (23.546.983.261)		23.548.982.403 (23.546.983.261)	
Trả trước cho người bán	6.390.081.109 (6.390.081.109)		6.390.081.109 (6.390.081.109)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Các nhà cung cấp khác	3.750.056.089	(3.750.056.089)	3.750.056.089	(3.750.056.089)
Phải thu khác	4.397.915.973	(4.397.915.973)	4.397.915.973	(4.397.915.973)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	897.915.973	(897.915.973)	897.915.973	(897.915.973)
Cộng	41.365.864.444	(41.363.865.302)	41.365.864.444	(41.363.865.302)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	41.363.865.302	41.363.865.302
Số cuối kỳ	41.363.865.302	41.363.865.302

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.636.552.985	(965.907.166)	17.334.531.289	(965.907.166)
Công cụ, dụng cụ	857.831.324	-	1.298.975.870	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.395.531.383	-	1.636.751.461	-
Bán thành phẩm	48.637.032.124	(2.168.385.493)	62.953.145.795	(2.168.385.493)
Thành phẩm	52.558.216.759	-	24.862.659.183	-
Cộng	133.085.164.575	(3.134.292.659)	108.086.063.598	(3.134.292.659)

Một số hàng tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 18.727.668.204 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.134.292.659	701.565.302
Trích lập dự phòng bổ sung	-	905.280.762
Số cuối kỳ	3.134.292.659	1.606.846.064

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	793.915.413	631.555.904
Chi phí bảo hiểm	318.585.948	700.889.088
Chi phí sửa chữa	534.971.930	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	868.795.069	193.577.691
Cộng	2.516.268.360	1.526.022.683

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	2.496.798.060	2.525.332.896
Công cụ, dụng cụ	12.124.220.188	13.060.563.569
Chi phí phát triển thương hiệu nhãn hàng Vikoda	25.000.000	175.000.000
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh ⁽ⁱ⁾	6.154.813.500	6.544.907.250
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu	5.722.762.000	5.722.762.000
Chi phí quảng cáo	4.083.333.334	5.250.000.001
Chi phí sửa chữa	4.410.747.716	4.102.843.225
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.145.882.955	2.919.692.122
Cộng	36.163.557.753	40.301.101.063

- (i) Quyền khai thác khoáng sản được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	420.566.070.627	362.257.132.778	31.397.566.989	11.902.805.465	199.472.537	826.323.048.396
Mua trong năm	3.164.108.950	5.205.960.400	4.964.937.198	88.437.037	-	13.423.443.585
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	3.184.998.487	23.285.107.800	-	-	-	26.470.106.287
Thanh lý, nhượng bán	(5.526.475.773)	(125.370.000)	(805.000.000)	(480.654.000)	-	(6.937.499.773)
Số cuối năm	421.388.702.291	390.622.830.978	35.557.504.187	11.510.588.502	199.472.537	859.279.098.495
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	77.864.405.204	108.368.594.195	9.836.982.955	1.173.995.885	97.409.646	197.341.387.885
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	112.268.554.903	167.201.095.545	17.579.211.574	5.321.799.024	100.599.111	302.471.260.157
Khấu hao trong năm	10.236.473.342	12.197.948.660	1.348.881.367	638.411.966	6.378.930	24.428.094.265
Thanh lý, nhượng bán	(5.526.475.773)	(125.370.000)	(805.000.000)	(480.654.000)	-	(6.937.499.773)
Số cuối năm	116.978.552.472	179.273.674.205	18.123.092.941	5.479.556.990	106.978.041	319.961.854.649
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	308.297.515.724	195.056.037.233	13.818.355.415	6.581.006.441	98.873.426	523.851.788.239
Số cuối năm	304.410.149.819	211.349.156.773	17.434.411.246	6.031.031.512	92.494.496	539.317.243.846

(*) Tổ hợp Nhà máy Chế biến Nông sản Thực phẩm Hậu Giang đã hoàn thành, đưa vào khai thác trong năm, với nguyên giá tạm tăng là 402.707.264.651 VND. Giá trị tài sản này có thể thay đổi khi có phê duyệt quyết toán chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	78.520.945.110	1.581.643.083	80.102.588.193
Số cuối kỳ	78.520.945.110	1.581.643.083	80.102.588.193
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.581.643.083	1.581.643.083
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.582.497.381	1.581.643.083	17.164.140.464
Khấu hao trong kỳ	830.197.506	-	830.197.506
Số cuối kỳ	16.412.694.887	1.581.643.083	17.994.337.970
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.938.447.729	-	62.938.447.729
Số cuối kỳ	62.108.250.223	-	62.108.250.223

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.280.104.730	6.187.542.786	77.467.647.516
Số cuối kỳ	71.280.104.730	6.187.542.786	77.467.647.516
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Số cuối kỳ	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.280.104.730	-	71.280.104.730
Số cuối kỳ	71.280.104.730	-	71.280.104.730

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	6.187.542.786	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Tuyền, thành phố Cần Thơ	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Tuyền, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	77.467.647.516	6.187.542.786	71.280.104.730

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Vườn Ươm chồi khóm MD2 ⁽ⁱ⁾	4.559.156.830	3.511.717.401
Cộng	4.559.156.830	3.511.717.401

(i) Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 để phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	40.788.037.060	12.099.575.531	(32.601.217.552)	20.286.395.039
Xây dựng cơ bản dở dang	855.686.737	-	-	855.686.737
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.697.161.394	487.837.093	(3.184.998.487)	-
Cộng	44.340.885.191	12.587.412.624	(35.786.216.039)	21.142.081.776

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.723.270.846	12.864.385.324	620.990.283.326	638.577.939.496
Số cuối kỳ	4.723.270.846	12.864.385.324	620.990.283.326	638.577.939.496
Số đã phân bổ				
Số đầu năm	4.723.270.846	12.864.385.324	279.445.627.499	297.033.283.669
Phân bổ trong kỳ	-	-	31.049.514.167	31.049.514.167
Số cuối kỳ	4.723.270.846	12.864.385.324	310.495.141.665	328.082.797.836
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	341.544.655.827	341.544.655.827
Số cuối kỳ	-	-	310.495.141.661	310.495.141.661

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.758.438.676</i>	<i>1.549.824.840</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	4.758.438.676	1.549.824.840
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>55.662.970.929</i>	<i>53.417.779.562</i>
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	7.461.281.100	7.487.111.450
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa	7.463.719.680	3.269.027.088
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lê Gia Phúc	4.073.115.537	12.073.115.537
Các nhà cung cấp khác	36.664.854.612	30.588.525.487
Cộng	60.421.409.605	54.967.604.402

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>155.786</i>	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T	155.786	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>3.643.582.921</i>	<i>2.964.170.301</i>
Các khách hàng khác	3.643.582.921	2.964.170.301
Cộng	3.643.738.707	2.964.170.301

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT	751.203.500	6.169.064	3.443.027.536	(2.464.354.160)	1.729.876.876	6.169.064
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	22.339.898	(22.339.898)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.213.117	(3.213.117)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.417.827.514	-	2.568.309.821	(18.247.712.860)	1.768.309.820	29.885.345
Thuế thu nhập cá nhân	270.788.135	41.289.912	946.711.691	(885.485.770)	329.514.056	38.789.912
Thuế tài nguyên	235.078.700	-	1.376.659.187	(1.334.096.787)	277.641.100	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	288.551.491	(288.551.491)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	211.514.239	(7.071.602)	204.442.637	-
Lệ phí môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.645.000	-	137.911.167	(134.011.167)	25.545.000	-
Cộng	18.696.542.849	47.458.976	9.008.238.147	(23.396.836.852)	4.335.329.489	74.844.321

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ 8 - 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất khẩu miền Tây được hưởng thuế suất 15% cho hoạt động chế biến nông sản.

Các hoạt động khác tại các Công ty trong Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.853.881.098	672.922.739
Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T- Lãi hợp tác đầu tư phải trả	1.000.643.835	672.922.739
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam - Lãi hợp tác đầu tư phải trả	6.853.237.263	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.286.225.024	4.639.422.045
Chi phí lãi vay phải trả	519.452.055	542.001.568
Chi phí thuê nhân công	1.672.918.729	-
Chi phí tiền điện	1.233.160.087	664.636.935
Chi phí vận chuyển, xuất hàng	1.815.202.142	563.186.392
Chi phí hoa hồng, môi giới	626.340.583	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.419.151.428	2.869.597.150
Cộng	16.140.106.122	5.312.344.784

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.069.457.078	1.883.166.458
Bảo hiểm xã hội	784.332.783	55.828
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam ⁽ⁱ⁾	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.473.981.043	1.856.792.976
Cộng	13.327.770.904	12.740.015.262

- (i) Theo hợp đồng Hợp tác đầu tư ngày 09/5/2018, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("VKD") và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số VIII.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp tác đầu tư phải trả các bên liên quan	290.000.000.000	153.400.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	52.800.000.000	153.400.000.000
Vay Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	237.200.000.000	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	752.089.130.922	475.594.780.793
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	709.003.130.922	450.024.811.481
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	500.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	100.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	109.003.130.922	150.024.811.481
Vay dài hạn đến hạn trả	43.086.000.000	25.569.969.312
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (BIDV Khánh Hòa)	234.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	2.472.000.000	2.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	40.000.000.000	22.041.969.312
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh	380.000.000	828.000.000
Cộng	1.042.089.130.922	628.994.780.793

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Các khoản vay ngắn hạn mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, bao gồm:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (tại WFC)	50 tỷ VND	03-06 tháng	7,3%	Tài sản cố định của WFC
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (tại VKD)	30 tỷ VND	Không quá 03 tháng	7,3%	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền khai thác khoáng sản, tài sản cố định của VKD
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (tại VKD)	28 tỷ VND	Không quá 03 tháng	7,0%	Tài sản cố định của VKD
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (tại WFC)	60 tỷ VND	06 tháng	7,25-7,50%	Tài sản cố định của WFC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngân hàng	Vay bên liên quan	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	450.024.811.481	153.400.000.000	25.569.969.312	628.994.780.793
Số tiền vay phát sinh	814.280.790.951	395.000.000.000	-	1.209.280.790.951
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	19.542.030.688	19.542.030.688
Số tiền vay đã trả	(555.302.471.510)	(258.400.000.000)	(2.026.000.000)	(815.728.471.510)
Số cuối kỳ	709.003.130.922	290.000.000.000	43.086.000.000	1.042.089.130.922

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	289.669.214.326	286.545.601.047
Các ngân hàng khác	3.102.987.775	2.765.109.371
Cộng	292.772.202.101	289.310.710.418

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con, bao gồm:

Ngân hàng	Mục đích	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (tại WHG)	Đầu tư Dự án Tổ hợp nhà máy chế biến nông sản thực phẩm Hậu Giang	393,515 tỷ VND	108 tháng, ân hạn 24 tháng (kể từ 28/6/2024)	9,0%	Tài sản hình thành từ Dự án, tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mẹ, Quyền sử dụng đất của Bà Lê Hồng Phụng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (tại VKD)	Mua sắm máy móc thiết bị	10 tỷ VND	36 tháng (kể từ 11/9/2024)	9,5%	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền khai thác khoáng sản, tài sản cố định của VKD
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (tại VKD)	Thanh toán tiền thi công sơn nền xưởng Vikoda	9,6 tỷ VND	60 tháng	9,9%	Tài sản cố định của VKD

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	43.086.000.000	25.569.969.312
Trên 1 năm đến 5 năm	183.102.987.775	179.100.863.867
Trên 5 năm	109.669.214.326	110.209.846.551
Cộng	335.858.202.101	314.880.679.730

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	289.310.710.418	137.179.404.358
Số tiền vay phát sinh	23.003.522.371	133.386.240.667
Số tiền vay đã trả	-	(7.373.169.925,0)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(19.542.030.688)	(2.793.000.000)
Số cuối kỳ	292.772.202.101	260.399.475.100

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ phúc lợi	4.655.342.767	940.000.000	(181.500.000)	5.413.842.767
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	342.337	-	-	342.337
Cộng	4.655.685.104	940.000.000	(181.500.000)	5.414.185.104



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.968.589.250.000	36.788.832.977	7.652.609.693	127.728.500	1.540.039.177	448.732.501.748	2.463.430.962.095
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(193.442.677)	20.920.036.038	20.726.593.361
Trích quỹ KTPL ở Công ty con	-	-	-	-	(846.586.874)	(1.034.717.290)	(1.881.304.164)
Số dư cuối kỳ trước	1.968.589.250.000	36.788.832.977	7.652.609.693	127.728.500	500.009.626	468.617.820.496	2.482.276.251.292
Số dư đầu năm nay	1.968.589.250.000	36.788.832.977	7.652.609.693	127.728.500	(19.694.019.547)	506.839.295.681	2.500.303.697.304
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(15.839.362.591)	(1.593.138.252)	(17.432.500.843)
Trích quỹ KTPL ở Công ty con	-	-	-	-	(424.002.657)	(515.997.343)	(940.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích do góp thêm vốn vào Nông Tín	-	-	-	-	(4.709.542.603)	4.709.542.603	-
Số dư cuối kỳ này	1.968.589.250.000	36.788.832.977	7.652.609.693	127.728.500	(40.666.927.398)	509.739.702.689	2.482.231.196.461

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	196.858.925	196.858.925
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	196.858.925	196.858.925
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	196.858.925	196.858.925

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ****22c. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	202.114,12	1.503.497,43
Euro (EUR)	36,30	69,02

22d. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xử lý phát sinh do giải thể chi nhánh tại Công ty Cổ phần Fit Consumer và nợ khó đòi xử lý tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (các Công ty con). Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.068.689.722	1.068.689.722
Công ty Cổ phần T-Martstore	432.624.087	432.624.087
Công ty Cổ Phần Nhất Nam	181.201.865	181.201.865
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.396.341.256	1.396.341.256
Cộng	3.078.856.930	3.078.856.930

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	92.407.380.632	313.852.894
Doanh thu bán thành phẩm	262.171.312.307	389.141.214.841
Doanh thu cho thuê tài sản	582.810.275	493.090.912
Cộng	355.161.503.214	389.948.158.647

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ (bán thành phẩm) cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	13.995.820	2.086.296
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	279.123.328	-
Công ty Cổ phần Fit Cosmetics	1.388.889	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long	6.318.519	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	185.185.185	138.888.889
Hàng bán bị trả lại	995.661.750	221.000.000
Giảm giá hàng bán	12.982.500	-
Cộng	1.193.829.435	359.888.889

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	87.735.704.892	233.132.577
Giá vốn bán thành phẩm	176.452.658.993	289.398.140.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	905.280.762
Cộng	264.188.363.885	290.536.553.572

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	32.335.855.723	26.689.335.131
Lãi bán ngoại tệ	943.759.450	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.110.874.029	2.820.751.051
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.066.971	60.829.176
Doanh thu hoạt động tài chính khác	36.465	-
Cộng	34.410.592.638	29.570.915.358

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	41.718.444.555	4.127.710.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	511.066.530	434.411.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	80.870.859	198.137.247
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(19.250.000)	(129.791.666)
Chi phí hợp tác đầu tư	-	1.777.584.930
Các chi phí tài chính khác	209.641	-
Cộng	42.291.341.585	6.408.051.988

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.094.332.638	5.281.013.509
Chi phí vật liệu	2.340.117.953	1.807.683.330
Chi phí vận chuyển làm hàng	6.735.030.182	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	958.337.631	647.623.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.344.577.704	15.780.614.931
Các chi phí khác	10.234.164.740	8.591.349.394
- Chi phí quảng cáo	5.357.471.961	
- Chi phí khác	938.506.098	
Cộng	34.706.560.848	32.108.284.201

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: ID Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.397.092.817	10.552.970.310
Chi phí vật liệu quản lý	496.208.595	342.901.478
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.987.043	148.441.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.724.470.310	1.128.943.070
Thuế, phí và lệ phí	252.560.862	160.079.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.168.443.762	1.932.590.862
Phân bổ lợi thế thương mại	31.049.514.166	31.692.733.435
Các chi phí khác	9.645.272.678	10.801.891.605
Cộng	57.858.550.233	56.760.552.308

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập bán phế liệu	425.725.424	122.007.989
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	172.000.000	981.481.482
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	50.381.582	-
Thu nhập khác	139.640.149	9.717.842
Cộng	787.747.155	1.113.207.313

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(15.839.362.591)	(193.442.677)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.839.362.591)	(193.442.677)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	196.858.925	196.858.925
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(80)	(1)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	205.331.701.679	231.402.232.837
Chi phí nhân công	69.192.328.222	66.188.639.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.207.500.787	11.021.958.975

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng	-	905.280.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.806.513.565	42.455.874.655
Chi phí khác	26.322.208.601	20.575.107.032
Cộng	375.860.252.854	372.549.093.781

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao vốn hóa	50.790.984	749.578.823

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (“VKD”) và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại TĐN Việt Nam đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 để thực hiện Dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, Dự án không thể thực hiện được do lô đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty đang phản ánh các số dư liên quan đến Hợp đồng trên, bao gồm: (i) Giá trị thương quyền mà VKD đã nhận được khi thực hiện Dự án, số tiền 9.000.000.000 VND, được ghi nhận tại khoản mục “Phải trả khác”; (ii) Các chi phí phát sinh cho dự án đang được ghi nhận tại khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với số tiền lần lượt là 1.636.363.636 VND và 61.609.091 VND.

Tại thời điểm lập Báo cáo này, Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên chưa được thanh lý, do đó, Nhóm Công ty chưa xác định được liệu có phải gánh chịu khoản chi phí nào phát sinh từ việc không thể thực hiện Dự án hay không

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Việt Cường	Thành viên HĐQT (từ 25/04/2024)	-	36.000.000	36.000.000
Bà Cấn Thị Bích	Thành viên độc lập HĐQT (từ 16/04/2025)	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	93.530.166	36.000.000	129.530.166
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS		24.000.000	24.000.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS		18.000.000	18.000.000
Bà Trương Thị Vân	Thành viên BKS (từ 25/04/2024)		18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	44.821.023	-	44.821.023
Cộng		138.351.189	252.000.000	390.351.189
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Việt Cường	Thành viên HĐQT (từ 25/04/2024)	-	36.000.000	36.000.000
Bà Cấn Thị Bích	Thành viên độc lập HĐQT (từ 16/04/2025)	-	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Tú ⁽ⁱ⁾	Thành viên độc lập HĐQT (đến 16/04/2025)	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	53.500.003	36.000.000	89.500.003
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Trương Thị Vân	Thành viên BKS (từ 25/04/2024)	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	76.968.300	-	76.968.300
Cộng		130.468.303	231.000.000	361.468.303

⁽ⁱ⁾ Ông Nguyễn Tuấn Tú có đơn không nhận thù lao Hội đồng quản trị.

Thu nhập trên là thu nhập tại Công ty mẹ, không bao gồm thu nhập (nếu có) tại các Công ty con.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên kết Truyền thông	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Xanh Goda	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần dược phẩm Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Benovas Capsule	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần thuốc Ung thư Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất Kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Cùng chung công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte	Cùng chung công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí tư vấn, thuê văn phòng, gửi xe, điện nước	3.076.757.008	3.319.041.744
Chi phí hợp tác đầu tư	1.809.141.220	
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	726.762.327
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.725.406.842	1.725.406.842
Chi phí hợp tác đầu tư	22.191.781	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.610.083.542	3.375.841.973
Chi phí hợp tác đầu tư	6.874.607.126	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm nông nghiệp
- Chế biến thực phẩm
- Sản xuất, kinh doanh Hạt giống và Giống cây trồng
- Hàng tiêu dùng

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm nông nghiệp	Chế biến thực phẩm	Giống cây trồng	Hàng tiêu dùng	Loại trừ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	320.766.946.714	-	145.841.506.461	(113.223.589.671)	353.384.863.504
Doanh thu thuần từ hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận khác	29.719.363	2.084.550.363	-	553.090.912	(2.084.550.363)	582.810.275
Tổng doanh thu	29.719.363	322.851.497.077	-	146.394.597.373	(115.308.140.034)	353.967.673.779
Giá vốn	-	270.524.948.620	-	109.464.255.141	(115.800.839.876)	264.188.363.885
Lợi nhuận gộp	29.719.363	52.326.548.457	-	36.930.342.232	492.699.842	89.779.309.894
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	(3.532.952.854)	-	(3.532.952.854)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	1.164.552.479	34.384.343.617	76.264.970	25.910.207.085	31.029.742.930	92.565.111.081
Lợi nhuận khác	22.892.862	(79.588.504)	-	506.073.646		449.378.004
Doanh thu tài chính	14.760.523.779	4.266.969.238	109.924.309	17.385.825.181	(2.112.649.869)	34.410.592.638
Chi phí tài chính	13.791.377.312	15.407.140.059	-	16.257.062.514	(3.164.238.300)	42.291.341.585
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(142.793.787)	6.722.445.515	33.659.339	9.122.018.606	(29.485.454.657)	(13.750.124.984)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.633.871	-		2.553.675.950	-	2.568.309.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	1.114.066.038	1.114.066.038
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(157.427.658)	6.722.445.515	33.659.339	6.568.342.656	(30.599.520.695)	(17.432.500.843)
Kỳ trước						
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	282.869.759.967	-	106.718.509.791	-	389.588.269.758

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm nông nghiệp	Chế biến thực phẩm	Giống cây trồng	Hàng tiêu dùng	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần từ hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận khác	54.000.000	-	-	-	(54.000.000)	-
Tổng doanh thu	54.000.000	282.869.759.967	-	106.718.509.791	(54.000.000)	389.588.269.758
Giá vốn	-	207.886.082.611	-	82.704.470.961	(54.000.000)	290.536.553.572
Lợi nhuận gộp	54.000.000	74.983.677.356	-	24.014.038.830	-	99.051.716.186
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	(3.350.155.332)	-	(3.350.155.332)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	1.073.217.955	32.133.828.597	45.632.607	23.943.195.149	31.672.962.201	88.868.836.509
Lợi nhuận khác	-	(36.894.488)	-	1.063.965.426	-	1.027.070.938
Doanh thu tài chính	16.779.937.050	4.553.704.527	1.205.036.644	8.289.319.328	(1.257.082.191)	29.570.915.358
Chi phí tài chính	(3.551.510.934)	6.151.369.328	(506.119.066)	2.958.987.819	1.355.324.841	6.408.051.988
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.312.230.029	41.215.289.470	1.665.523.103	3.114.985.284	(34.285.369.233)	31.022.658.653
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.901.391.225	6.217.151.771	333.165.226	362.884.229	-	10.814.592.451
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(518.527.159)	(518.527.159)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.410.838.804	34.998.137.699	1.332.357.877	2.752.101.055	(33.766.842.074)	20.726.593.361

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Sản phẩm nông nghiệp	Chế biến thực phẩm	Giống cây trồng	Hàng tiêu dùng	Loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản						
Tài sản bộ phận	2.584.544.043.268	1.271.520.028.293	349.939.907.290	2.374.414.188.165	(2.630.468.997.968)	3.949.949.169.048
Tổng tài sản						3.949.949.169.048
Nợ phải trả						

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm nông nghiệp	Chế biến thực phẩm	Giống cây trồng	Hàng tiêu dùng	Loại trừ	Cộng
Nợ phải trả bộ phận	314.593.240.621	547.203.653.990	508.367.984	716.292.652.402	(110.879.942.410)	1.467.717.972.587
Tổng nợ phải trả						1.467.717.972.587
Số đầu năm						
Tài sản						
Tài sản bộ phận	2.741.813.106.615	1.332.921.038.934	200.536.700.961	1.739.877.531.631	(2.460.607.369.833)	3.554.541.008.308
Tổng tài sản						3.554.541.008.308
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	471.704.876.310	611.426.316.118	1.138.820.994	97.857.291.378	(126.903.062.454)	1.055.224.242.346
Tổng nợ phải trả						1.055.224.242.346

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Lê Thị Thương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Tổng Giám đốc



Võ Thị Hồng Thắm

